

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2019
V/v: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diệu A, sinh năm: 2000.

Cư trú: Tổ 8, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Trọng N, sinh năm: 1993.

Cư trú: Tổ 16, ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà A, ông N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên hòa giải bà Nguyễn Thị Diệu A trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông N được hình thành là do hai bên tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2017, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Ngay từ khi kết hôn bà và ông N đã bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Trong thời gian mang thai ông N cũng không quan tâm chăm sóc bà nên bà bỏ về mẹ ruột sống và ly thân đến nay đã hơn một năm. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông N nên xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà với ông N có 01 con chung tên: Nguyễn Ái L, sinh ngày: 18/4/2018. Cháu L đang sống với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Trọng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn như lời bà A trình bày. Ông và bà A đến nay chưa đăng ký kết hôn. Nay ông cũng không còn tình cảm với bà A nên đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông với bà A có 01 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời bà A trình bày. Hiện con chung đang sống chung với bà A. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà A được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà A cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà A, ông N bảo lưu ý kiến.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận bà Nguyễn Thị Diệu A và ông Trần Trọng N là quan hệ vợ chồng; giao cháu L cho bà A được tiếp tục nuôi và công nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà A yêu cầu được ly hôn với ông N. Ông N cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà A và ông N được xác lập do hai bên tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2017. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng bà A và ông N cùng xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông bà phù hợp với Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 15/02/2019 Ủy ban nhân dân thị trấn L. Căn cứ theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà A và ông N là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về quan hệ con chung:* Bà A và ông N cùng xác định có 01 con chung tên: Nguyễn Ái L, sinh ngày: 18/4/2018. Bà A và ông N thống nhất giao cháu L cho bà A được tiếp tục nuôi. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét thấy nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà A và ông N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Diệu A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệu A.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Diệu A và ông Trần Trọng N là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà A được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Ái L, sinh ngày: 18/4/2018.

Công nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà A cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diệu A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0010890 ngày 04/12/2018.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/02/2019) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện A (2);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị sang